

Số: 192 /2015/NQ-HĐND

Long An, ngày 22 tháng 01 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mức thu và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản; mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12  
(Kỳ họp bất thường)**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Sau khi xem xét tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 16/01/2015 của UBND tỉnh về mức thu và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản; mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Long An; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND và ý kiến của Đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất mức thu và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản; mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

**1. Đối tượng chịu phí**

a) Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí tham gia đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

## 2. Mức thu phí

### a) Phí đấu giá tài sản; phí tham gia đấu giá tài sản

#### - Mức thu phí đấu giá tài sản

+ Trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, theo quy định như sau:

| STT | Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá | Mức thu                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dưới 50 triệu đồng                                | 5% giá trị tài sản bán được                                                                                         |
| 2   | Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng                         | 2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu đồng                                                    |
| 3   | Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng                       | 16,75 triệu đồng + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ đồng                                                     |
| 4   | Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng                      | 34,75 triệu đồng + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng                                                   |
| 5   | Từ trên 20 tỷ đồng                                | 49,75 triệu đồng + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu đồng/cuộc đấu giá |

+ Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

#### - Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

| STT | Giá khởi điểm của tài sản                 | Mức thu (đồng/hồ sơ) |
|-----|-------------------------------------------|----------------------|
| 1   | Từ 20 triệu đồng trở xuống                | 50.000               |
| 2   | Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng   | 100.000              |
| 3   | Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng  | 150.000              |
| 4   | Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng | 200.000              |
| 5   | Trên 500 triệu đồng                       | 500.000              |

#### - Tỷ lệ (%) trích để lại trên tổng số tiền thu phí

+ Tỷ lệ (%) trích để lại cho đơn vị thu: 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu phí.

+ Tỷ lệ (%) trích nộp ngân sách nhà nước: 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền thu phí.

### b) Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

| STT | Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm | Mức thu (đồng/hồ sơ) |
|-----|----------------------------------------------|----------------------|
| 1   | Từ 200 triệu đồng trở xuống                  | 100.000              |
| 2   | Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng    | 200.000              |
| 3   | Từ trên 500 triệu đồng                       | 500.000              |

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

| STT | Diện tích đất           | Mức thu (đồng/hồ sơ) |
|-----|-------------------------|----------------------|
| 1   | Từ 0,5 ha trở xuống     | 1.000.000            |
| 2   | Từ trên 0,5 ha đến 2 ha | 3.000.000            |
| 3   | Từ trên 2 ha đến 5 ha   | 4.000.000            |
| 4   | Từ trên 5 ha            | 5.000.000            |

- Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa VIII, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 22 tháng 01 năm 2015.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UB Thường vụ QH (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP (TP.HCM) (b/c);
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT.



**Đặng Văn Xương**

